|  |  |
| --- | --- |
| SỞ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO  THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  **TRƯỜNG THPT**  **DƯƠNG VĂN DƯƠNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**  *Tp. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 2 năm 2023* |
| **BÁO CÁO** | |
| **V/v triển khai phương hướng thực hiện công tác chuyên môn dạy học và kiểm tra, đánh giá học sinh; kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục cấp tổ**  **Học kỳ 2 / Năm học 2022 – 2023**  TỔ CHUYÊN MÔN: ANH | |

Căn cứ nội dung chỉ đạo chuyên môn của môn học sau buổi Họp Sơ kết chuyên môn Học kỳ 1 / năm học 2022-2023 (Cấp sở) vào ngày 17 tháng 02 năm 2023;

Căn cứ Kế hoạch giáo dục của Tổ chuyên môn năm học 2022-2023; bối cảnh tình hình, điều kiện thực tế của trường THPT Dương Văn Dương.

Tổ trưởng chuyên môn tiến hành triển khai phương hướng thực hiện công tác chuyên môn dạy học và kiểm tra, đánh giá học sinh; kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục cấp tổ trong Học kỳ 2 với các nội dung sau đây:

1. **Nội dung chỉ đạo của chuyên viên bộ môn (Sở GD&ĐT) về tiếp tục thực hiện chương trình GDPT hiện hành trong Học kỳ 2:**

Tóm lược các nội dung trọng tâm, trọng điểm được Sở ngành chú trọng chỉ đạo tiếp tục thực hiện, khắc phục hạn chế (nếu có), điều chỉnh hoặc bổ sung (nếu có) đối với công tác xây dựng ma trận đặc tả môn học và tổ chức dạy học theo chủ đề bài học; tổ chức hoạt động giáo dục; kiểm tra, đánh giá học sinh (thường xuyên, định kỳ) đối với bộ môn.

1. Đối với thực hiện chương trình GDPT **2006** (khối 11, 12):

|  |
| --- |
| +Tiếp tục đảm bảo yêu cầu thực hiện đúng, đủ nội dung chương trình GDPT 2006 (đối với lớp 11,12)  + Thực hiện công tác giảng dạy và giáo dục học sinh theo đúng chương trình, kế hoạch của tổ nhóm chuyên môn đã thống nhất và được Ban Giám Hiệu nhà trường xét duyệt nhằm đảm bảo về chất lượng dạy – học và hiệu quả giáo dục.  + Tổ chức ôn tập theo số tiết, thời gian theo quy định của nhà trường theo các chuyên đề và cấu trúc đề thi THPT của Bộ GD&ĐT  + Đánh giá kiểm tra kết quả học tập – rèn luyện của học sinh phải phù hợp với mặt bằng trình độ của học sinh tại địa phương. Tiến hành kiểm tra sau mỗi chủ đề bằng nhiều hình thức để giúp đỡ học sinh về phương pháp học tập, động viên sự cố gắng, hứng thú học tập của các em thông qua nhiều phương tiện.(Zalo, facebook, k12…)  + Tích cực, chủ động tự tìm tòi biện pháp tối ưu nâng cao chất lượng dạy – học hướng vận dụng, phát triển năng lực, đảm bảo thực hiện đúng báo giảng theo từng tuần, tháng và học kỳ.  +Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, khai thác và chọn lọc hiệu quả thông tin mạng (tranh ảnh, clip video...), phần mềm hỗ trợ giảng dạy nhằm phát huy tính tích cực của các phương tiện trực quan.  + Ma trận nội dung kiểm tra kiến thức của tổ nhóm chuyên môn thống nhất đảm bảo 4 mức độ: nhận biết, thông hiểu, vận dụng thấp, vận dụng cao theo tỉ lệ 3 – 2 –3 – 2.  + Xây dựng đề cương bài tập từ dễ đến khó; chú trọng dạy học sinh nắm chắc kiến thức cơ bản. Khuyến khích học sinh tự học, rèn luyện kỹ năng trong học tập.  + Kết hợp linh hoạt giữa phương thức dạy học truyền thống và giảng dạy hiện đại một cách hợp lý, tối ưu nhất. Không lạm dụng công nghệ thông tin, chú ý việc ghi chép bài và hướng dẫn học sinh phương pháp học tập. |

1. Đối với thực hiện chương trình GDPT **2018** (khối 11, 12):

|  |
| --- |
| + Cập nhật nội dung chuong trình GDPT **2018** (khối 11, 12).  + Mỗi thành viên rong tổ đều phải chuẩn bị và nghiên cứu nội dung, họp tổ thảo luận trao đổi về các nội dung mới, phương pháp tiếp cận mới về chương trình GDPT **2018** (khối 11, 12).  + Phân công nghiên cứu chuyên sâu về các nội dung chương trình GDPT **2018** (khối 11, 12), soạn giáo án, đề cương chuẩn bị cho năm học mới 2023-2024. |

1. Định hướng đổi mới phương pháp dạy học thông qua các hình thức dạy học lồng ghép, dạy học tích hợp liên môn, tổ chức các hoạt động giáo dục trải nghiệm & hướng nghiệp liên quan môn học trong và ngoài lớp học (nếu có):

|  |
| --- |
| - Sử dụng các tiết học tự chọn đúng mục đích, nhằm tăng cường thời lượng hệ thống hóa và khắc sâu kiến thức cho học sinh.  - Đảm bảo mục tiêu: ôn tập, hệ thống hóa kiến thức, định hướng phương pháp cụ thể để học sinh khắc sâu kiến thức – kỹ năng  -Tăng cường tìm tòi, khai thác, xây dựng chương trình và phối hợp thực hiện công tác dạy – học tích hợp, dạy – học liên môn, dạy – học theo định hướng STEM nhằm phát huy khả năng sáng tạo trong học sinh và giáo viên đáp ứng nhu cầu xã hội trong xu hướng phát triển hiện đại. Nhất là tìm hiểu về những ứng dụng của kiến thức liên môn vào giải quyết các tình huống thực tiễn.  -Tổ chức lên kế hoạch theo yêu cầu thực tế, điều kiện nhà trường để tổ chức các hoạt động trải nghiệm phù hợp. |

1. **Dự kiến phương án tổng thể về xây dựng ma trận kiểm tra, đánh giá định kỳ môn học theo mức độ đánh giá năng lực và phù hợp mặt bằng lực học của học sinh ở từng khối lớp (theo tổ hợp môn) trong Học kỳ 2 của Tổ bộ môn:**
2. Dự kiến thiết kế bố cục chung về cấu trúc (số câu, số điểm, phân phối tỷ lệ % tổng điểm), hình thức (Tự luận; hoặc Trắc nghiệm khách quan kết hợp tự luận và tỷ lệ % giữa hình thức trong bài kiểm tra) đối với **đề kiểm tra, đánh giá Giữa kỳ**:

| **Khối 10 KHTN/**  **KHXH** | **Nhận biết**  **(Mức độ 1)** | | **Thông hiểu**  **(Mức độ 2)** | | **Vận dụng**  **(Mức độ 3)** | | Vận dụng cao  (mức 4) | | **Cộng** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TNKQ | TL | TNKQ | TL | TNKQ | TL | TNKQ | TL |
| Tỷ lệ % hình thức | 30% |  | 20% |  | 10% | 20% | 10% | 10% | 100% |
| Số câu hỏi | 15 | 0 | 10 | 0 | 5 | 5 | 5 | 5 | 45 |
| Số điểm | 3,0 |  | 2,0 |  | 1,0 | 2,0 | 1,0 | 1,0 | 10,0 |
| Tỷ lệ % điểm | 30% |  | 20% |  | 10% | 20% | 10% | 10% | 100% |
| Tổng số câu hỏi | 15 | | 10 | | 10 | | 10 | | 45 |
| Tổng số điểm | 3 | | 2 | | 3 | | 2 | | 10,0 |
| Tỷ lệ % tổng điểm | 30% | | 20% | | 30% | | 20% | | 100% |

| **Khối 11**  **KHTN/KHXH** | **Nhận biết**  **(Mức độ 1)** | | **Thông hiểu**  **(Mức độ 2)** | | **Vận dụng**  **(Mức độ 3)** | | Vận dụng cao  (mức 4) | | **Cộng** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TNKQ | TL | TNKQ | TL | TNKQ | TL | TNKQ | TL |
| Tỷ lệ % hình thức | 20% |  | 30% |  | 0,6% | 20% | 0,4% | 20% | 100% |
| Số câu hỏi | 10 |  | 15 |  | 3 | 8 | 2 | 5 | 43 |
| Số điểm | 2,0 |  | 3,0 |  | 0,6 | 2,0 | 0,4 | 2,0 | 10,0 |
| Tỷ lệ % điểm | 20% |  | 30% |  | 0,6% | 20% | 0,4% | 20% | 100% |
| Tổng số câu hỏi | 10 | | 15 | | 11 | | 7 | | 43 |
| Tổng số điểm | 2 | | 3 | | 2,6 | | 2,4 | | 10,0 |
| Tỷ lệ % tổng điểm | 20% | | 20% | | 26% | | 24% | | 100% |

| **Khối 12**  **KHXH/KHTN** | **Nhận biết**  **(Mức độ 1)** | | **Thông hiểu**  **(Mức độ 2)** | | **Vận dụng**  **(Mức độ 3)** | | Vận dụng cao  (mức 4) | | **Cộng** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TNKQ | TL | TNKQ | TL | TNKQ | TL | TNKQ | TL |
| Tỷ lệ % hình thức | 31,5% | 0 | 17,5% | 0 | 10,5% | 20% | 10,5% | 10% | 100% |
| Số câu hỏi | 18 |  | 10 |  | 6 | 10 | 6 | 4 | 54 |
| Số điểm | 3,15 |  | 1,75 |  | 1,05 | 2 | 1,05 | 1 | 10,0 |
| Tỷ lệ % điểm | 31,5% |  | 17,5% |  | 10,5% | 10% | 10,5% | 10% | 100% |
| Tổng số câu hỏi | 18 | | 10 | | 16 | | 10 | | 54 |
| Tổng số điểm | 3,15 | | 1,75 | | 3,05 | | 2,05 | | 10,0 |
| Tỷ lệ % tổng điểm | 31,5% | | 17,5% | | 30,5% | | 20,5% | | 100% |

---

***\*Lưu ý:***

*+ Riêng đối với môn học được đánh giá chỉ bằng hình thức nhận xét (như môn Giáo dục Thể chất) thì đổi tên cột TNKQ (trắc nghiệm khách quan) thành tên cột “****Thực hành****”, đổi tên cột TL (tự luận) thành tên cột “****Lý thuyết****”.*

1. Dự kiến thiết kế bố cục chung về cấu trúc (số câu, số điểm, phân phối tỷ lệ % tổng điểm), hình thức (Tự luận; hoặc Trắc nghiệm khách quan kết hợp tự luận và tỷ lệ % giữa hình thức trong bài kiểm tra) đối với **đề kiểm tra, đánh giá Cuối kỳ**:

| **Khối 10 KHTN/**  **KHXH** | **Nhận biết**  **(Mức độ 1)** | | **Thông hiểu**  **(Mức độ 2)** | | **Vận dụng**  **(Mức độ 3)** | | Vận dụng cao  (mức 4) | | **Cộng** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TNKQ | TL | TNKQ | TL | TNKQ | TL | TNKQ | TL |
| Tỷ lệ % hình thức | 30% |  | 20% |  | 10% | 20% | 10% | 10% | 100% |
| Số câu hỏi | 15 | 0 | 10 | 0 | 5 | 5 | 5 | 5 | 45 |
| Số điểm | 3,0 |  | 2,0 |  | 1,0 | 2,0 | 1,0 | 1,0 | 10,0 |
| Tỷ lệ % điểm | 30% |  | 20% |  | 10% | 20% | 10% | 10% | 100% |
| Tổng số câu hỏi | 15 | | 10 | | 10 | | 10 | | 45 |
| Tổng số điểm | 3 | | 2 | | 3 | | 2 | | 10,0 |
| Tỷ lệ % tổng điểm | 30% | | 20% | | 30% | | 20% | | 100% |

| **Khối 11**  **KHTN/KHXH** | **Nhận biết**  **(Mức độ 1)** | | **Thông hiểu**  **(Mức độ 2)** | | **Vận dụng**  **(Mức độ 3)** | | Vận dụng cao  (mức 4) | | **Cộng** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TNKQ | TL | TNKQ | TL | TNKQ | TL | TNKQ | TL |
| Tỷ lệ % hình thức | 20% |  | 30% |  | 0,6% | 20% | 0,4% | 20% | 100% |
| Số câu hỏi | 10 |  | 15 |  | 3 | 8 | 2 | 5 | 43 |
| Số điểm | 2,0 |  | 3,0 |  | 0,6 | 2,0 | 0,4 | 2,0 | 10,0 |
| Tỷ lệ % điểm | 20% |  | 30% |  | 0,6% | 20% | 0,4% | 20% | 100% |
| Tổng số câu hỏi | 10 | | 15 | | 11 | | 7 | | 43 |
| Tổng số điểm | 2 | | 3 | | 2,6 | | 2,4 | | 10,0 |
| Tỷ lệ % tổng điểm | 20% | | 20% | | 26% | | 24% | | 100% |

| **Khối 12**  **KHXH/KHTN** | **Nhận biết**  **(Mức độ 1)** | | **Thông hiểu**  **(Mức độ 2)** | | **Vận dụng**  **(Mức độ 3)** | | Vận dụng cao  (mức 4) | | **Cộng** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TNKQ | TL | TNKQ | TL | TNKQ | TL | TNKQ | TL |
| Tỷ lệ % hình thức | 31,5% | 0 | 17,5% | 0 | 10,5% | 20% | 10,5% | 10% | 100% |
| Số câu hỏi | 18 |  | 10 |  | 6 | 10 | 6 | 4 | 54 |
| Số điểm | 3,15 |  | 1,75 |  | 1,05 | 2 | 1,05 | 1 | 10,0 |
| Tỷ lệ % điểm | 31,5% |  | 17,5% |  | 10,5% | 10% | 10,5% | 10% | 100% |
| Tổng số câu hỏi | 18 | | 10 | | 16 | | 10 | | 54 |
| Tổng số điểm | 3,15 | | 1,75 | | 3,05 | | 2,05 | | 10,0 |
| Tỷ lệ % tổng điểm | 31,5% | | 17,5% | | 30,5% | | 20,5% | | 100% |

***\*Lưu ý:***

*+ Riêng đối với môn học được đánh giá chỉ bằng hình thức nhận xét (như môn Giáo dục Thể chất) thì đổi tên cột TNKQ (trắc nghiệm khách quan) thành tên cột “****Thực hành****”, đổi tên cột TL (tự luận) thành tên cột “****Lý thuyết****”.*

1. **Các thông tin chuyên môn khác:**

Tóm lược các thông tin quan trọng liên quan các kỳ thi chủ điểm của ngành như: chọn học sinh giỏi cấp thành phố, nghề phổ thông, tốt nghiệp THPT, tuyển sinh 10, ...

|  |
| --- |
| - Khuyến khích sử dụng tài liệu, đề cương bổ trợ, học liệu số. Tích cực thực hiện chuyển đổi số có kế hoạch bài bản, dài hơi, sản phẩm thực chất theo Quyết định 1207 của UBND TPHCM.  -Khuyến khích HS thi lấy chứng chỉ quốc tế.  -Tiếp tục thực hiện tốt chương trình Tích hợp, các chương trình tiếng Anh nhà trường.  - Tổ chức bồi dưỡng cho học sinh tham gia kỳ thi HSG 12 vào đầu tháng 3.  - Tổ chức ôn tập hiệu quả cho HS khối 12 thi tốt nghiệp.  - Làm đúng theo yêu cầu của BGH nhà trường trong việc chọn sách lớp 11. Nên chọn tối thiểu 2 bộ; quy trình làm: Đọc / Bỏ phiếu / Nhận xét / Biên bản  - Tổ bộ môn tham mưu cho BGH về mặt chuyên môn trong việc chọn sách. Có những đánh giá xác đáng việc sử dụng sách ở lớp 10 để quyết định sử dụng tiếp hay thay đổi đầu sách.  - Thực hiện 35% chuyển đổi số   * Quy chế chuẩn hóa học liệu số: tổ CM làm danh mục / hiệu trưởng phê duyệt * Ứng dụng số – digitalization * Chuyển đổi số – digital transformation |

1. **Đề xuất, kiến nghị (nếu có)**

|  |
| --- |
| Thi HSG nên tổ chức riêng cho HS chuyên và không chuyên để các em không chuyên nhiều cơ hội hơn. |

|  |  |
| --- | --- |
| **Nơi nhận:**  *BLĐ (để k/tra, đ/giá);*  *Lưu: hồ sơ Tổ chuyên môn.* | **Tổ trưởng Chuyên môn**  **Nguyễn Thị Hằng** |
|  |  |